

Số :3594/QĐ-UBND

Bình Định, ngày 16 tháng 10 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án Khu dân cư thôn Chánh Hội, xã Cát Chánh (giai đoạn 1) của UBND xã Cát Chánh

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét Văn bản số 2338/STNMT-CCBVMT ngày 11/7/2024 của Sở Tài nguyên và Môi trường về việc thông báo kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án Khu dân cư thôn Chánh Hội, xã Cát Chánh (giai đoạn 1); Báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án Khu dân cư thôn Chánh Hội, xã Cát Chánh (giai đoạn 1) đã được chỉnh sửa, bổ sung gửi kèm 172/UBND-ĐC ngày 02/10/2024 của UBND xã Cát Chánh;

Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 1210/TTr-STNMT ngày 11/10/2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án Khu dân cư thôn Chánh Hội, xã Cát Chánh (giai đoạn 1) (sau đây gọi là Dự án) của UBND xã Cát Chánh (sau đây gọi là Chủ dự án) thực hiện tại thôn Chánh Hội, xã Cát Chánh, huyện Phù Cát, tỉnh Bình Định với các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện quy định tại Điều 37 Luật bảo vệ môi trường và Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Bộ TNMT (để b/c);
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Sở TNMT;
- UBND huyện Phù Cát;
- UBND xã Cát Chánh;
- CVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, K4.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Tuấn Thanh

Phụ lục
CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN
KHU DÂN CƯ CHÁNH HỘI, XÃ CÁT CHÁNH (GIAI ĐOẠN 1)

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2024
của UBND tỉnh)

1. Thông tin về dự án

1.1. Thông tin chung

- Tên dự án: Khu dân cư thôn Chánh Hội, xã Cát Chánh (giai đoạn 1).
- Địa điểm thực hiện: thôn Chánh Hội, xã Cát Chánh, huyện Phù Cát, tỉnh Bình Định.

- Chủ đầu tư: Ủy ban nhân dân xã Cát Chánh.
- Địa chỉ liên hệ: Xã Cát Chánh, Huyện Phù Cát, Tỉnh Bình Định.

1.2. Phạm vi, quy mô

- Tổng diện tích dự án: 20.890 m²; trong đó:

Stt	Thành phần đất	Diện tích (m ²)	Tỷ lệ (%)
1	Đất ở (59 lô)	7.901,7	37,8
2	Đất thương mại, dịch vụ	1.993,80	9,54
3	Đất cây xanh	1.331,85	6,38
4	Đất giao thông	9.662,645	46,28
Tổng cộng		20.890	100,00

- Quy mô dân số dự kiến: khoảng 236 người, gồm 59 lô đất ở.
- Dự án có chiếm dụng đất lúa 02 vụ với diện tích 20.151,9 m², nên dự án có yếu tố nhạy cảm theo quy định tại điểm c, khoản 1, Điều 28, Luật Bảo vệ môi trường 2020; do đó, dự án thuộc dự án đầu tư nhóm II được quy định tại điểm đ, khoản 4, Điều 28 của Luật Bảo vệ môi trường. Căn cứ quy định tại điểm b, khoản 1, Điều 30 và khoản 3, Điều 35 Luật của Bảo vệ môi trường, dự án thuộc đối tượng phải lập Báo cáo Đánh giá tác động môi trường và thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND cấp tỉnh.

1.3. Các hạng mục công trình và hoạt động của dự án

1.3.1. Các hạng mục công trình chính: san nền (20.890 m²), bố trí 59 lô đất ở có diện tích 7.901,7 m²; 01 khu đất thương mại, dịch vụ có diện tích 1.993,8 m².

1.3.2. Các hạng mục công trình phụ trợ của dự án: Hệ thống đường giao thông, hệ thống cấp điện, hệ thống cấp nước, cây xanh.

1.3.3. Các hạng mục công trình bảo vệ môi trường:

- Hệ thống thu gom và thoát nước mưa.
- Hệ thống thu gom nước thải sinh hoạt.
- Tổng diện tích đất công viên cây xanh khoảng 1.331,85 m².

1.3.4. Các hoạt động của dự án

- Hoạt động thu dọn, phát quang mặt bằng, bóc đất phong hóa.
- Hoạt động vận chuyển nguyên, vật liệu phục vụ thi công dự án.
- Hoạt động sinh hoạt của cán bộ, công nhân tham gia thi công xây dựng.
- Hoạt động đào đắp, thi công xây dựng các hạng mục công trình.
- Hoạt động sinh hoạt của cư dân khi đưa vào vận hành dự án.

1.3.5. Các hạng mục, hoạt động không thuộc phạm vi Báo cáo đánh giá tác động môi trường: Hoạt động khai thác vật liệu san nền, vật liệu thi công phục vụ dự án.

1.4. Các yếu tố nhạy cảm về môi trường

Dự án có yêu cầu chuyển đổi mục đích sử dụng đất trồng lúa 02 vụ với diện tích khoảng 20.151,9 m².

2. Hạng mục công trình và hoạt động của dự án có khả năng tác động xấu đến môi trường

- Trong giai đoạn thi công: hoạt động phát quang, chuẩn bị mặt bằng, thi công các hạng mục công trình, hoạt động vận chuyển nguyên vật liệu phát sinh tiếng ồn, bụi, khí thải, nước thải sinh hoạt, nước mưa chảy tràn, chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại và nguy cơ gây ảnh hưởng đến khả năng thoát nước khu vực phía Bắc của dự án.

- Trong giai đoạn vận hành: hoạt động của các phương tiện giao thông lưu thông trên các tuyến đường xung quanh dự án phát sinh tiếng ồn, bụi, khí thải; hoạt động sinh hoạt của cư dân sinh sống trong dự án phát sinh chất thải sinh hoạt;...

- Dự án chiếm dụng vĩnh viễn đất lúa khoảng 20.151,9 m², ảnh hưởng đến sinh kế của người dân.

3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh theo các giai đoạn của Dự án

3.1. Nước thải, khí thải

3.1.1. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của nước thải

a) Giai đoạn thi công, xây dựng

- Nước thải sinh hoạt của công nhân phát sinh với lưu lượng khoảng 0,72 m³/ngày. Thành phần chủ yếu là các chất cặn bã, các chất lơ lửng (SS), các hợp chất hữu cơ (COD, BOD₅) và các chất dinh dưỡng (N, P), vi sinh,...

- Nước thải xây dựng từ quá trình vệ sinh máy móc, thiết bị thi công phát sinh với lưu lượng khoảng 1,0 m³/ngày. Thành phần chủ yếu là cặn lơ lửng, đất, cát,...

- Nước mưa chảy tràn lẫn bùn, đất trên công trường thi công. Thành phần chủ yếu là đất, cát, chất rắn lơ lửng,...

b) Giai đoạn vận hành

Nước thải sinh hoạt của các hộ dân phát sinh với lưu lượng khoảng 22,07m³/ngày.đêm. Thành phần chủ yếu là các chất cặn bã, các chất lơ lửng (SS), các hợp chất hữu cơ (COD, BOD₅) và các chất dinh dưỡng (N, P), vi sinh,...

3.1.2. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của bụi, khí thải:

a) Giai đoạn thi công xây dựng: Hoạt động chuẩn bị mặt bằng, thi công các hạng mục công trình, vận chuyển nguyên vật liệu san lấp, thi công; vận hành máy móc, phương tiện thi công trên công trường,... Thành phần chủ yếu là bụi, CO_x, NO_x, SO₂, VOC,...

b) Giai đoạn vận hành: Hoạt động giao thông của người dân; khí thải từ quá trình nấu nướng của người dân,... Thành phần chủ yếu là bụi, CO_x, NO_x, SO₂, VOC,...

3.2. Chất thải rắn, chất thải nguy hại

3.2.1. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của chất thải rắn thông thường

a) Giai đoạn thi công, xây dựng

- Chất thải rắn từ hoạt động phát quang, dọn dẹp mặt bằng phát sinh (sinh khối thực vật.) với khối lượng khoảng 1,0 tấn. Thành phần chủ yếu là thân cây, lá, gốc cây,...

- Chất thải rắn từ hoạt động thi công các hạng mục công trình (bao bì đựng xi măng, vật liệu xây dựng thải bỏ,..) phát sinh khoảng 10,2 – 15,5 kg/ngày.

- Chất thải rắn từ hoạt động bóc phong hóa phát sinh khoảng 1.854,44 m³. Thành phần chủ yếu là đất, sét, bùn,...

- Chất thải rắn sinh hoạt từ hoạt động sinh hoạt của công nhân phát sinh với khối lượng 16 kg/ngày. Thành phần chủ yếu là thức ăn thừa, bao bì ni lông, vỏ trái cây,...

b) Giai đoạn vận hành:

Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh với khối lượng khoảng 188,8 kg/ngày. Thành phần chủ yếu là thức ăn thừa, bao bì ni lông, vỏ trái cây,...

3.2.2. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của chất thải nguy hại:

a) Giai đoạn thi công, xây dựng:

Hoạt động sửa chữa, bảo dưỡng, thay dầu,... của máy móc, thiết bị thi công, phương tiện vận chuyển có khối lượng khoảng 20 kg trong quá trình thi công xây dựng. Thành phần chủ yếu là giẻ lau nhiễm dầu thải, các loại dầu mỡ thải, bóng đèn huỳnh quang,...

b) Giai đoạn vận hành:

Hoạt động sinh hoạt của người dân tại khu vực dự án phát sinh chất thải nguy hại với khối lượng khoảng 17,7 kg/năm. Thành phần chủ yếu là pin thải, ắc quy chì thải, bóng đèn huỳnh quang thải, bình xịt côn trùng ...

3.3. Tiếng ồn, độ rung

a) Giai đoạn thi công, xây dựng

Hoạt động của các phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu, đất đắp; các máy móc, thiết bị thi công như máy đào, máy đầm, máy ủi; hoạt động san lấp mặt bằng, đường giao thông phát sinh tiếng ồn, ảnh hưởng đến công nhân, người dân sinh sống lân cận khu vực dự án và dọc theo tuyến đường vận chuyển,...

b) Giai đoạn vận hành:

Hoạt động lưu thông của các phương tiện giao thông ra vào dự án.

3.4. Các tác động khác:

- Hoạt động thi công các hạng mục công trình và hoạt động của các phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu, đất đắp ảnh hưởng đến người dân sinh sống lân cận khu vực Dự án và dọc theo tuyến đường vận chuyển.

- Hoạt động chuyển đổi mục đích sử dụng đất lúa sang mục đích khác tác động đến sinh kế của người dân.

- Hoạt động tập trung đông công nhân có khả năng làm mất an ninh, trật tự xã hội khu vực dự án.

- Việc hình thành dự án gây ảnh hưởng đến vấn đề tiêu thoát nước các khu vực xung quanh.

4. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án

4.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải, khí thải

4.1.1. Đối với thu gom và xử lý nước thải, nước mưa chảy tràn

a) Giai đoạn thi công, xây dựng

- Thu gom và xử lý nước thải sinh hoạt của công nhân bằng các nhà vệ sinh di động có dung tích 400 lít; hợp đồng với đơn vị có chức năng định kỳ thu gom, xử lý.

- Nước thải xây dựng: được thu gom, lắng cặn và tái sử dụng tối đa cho quá trình xây dựng.

- Nước mưa chảy tràn lẫn bùn, đất: tạo các mương thoát nước mưa tạm thời để dẫn dòng đảm bảo thoát nước nhanh, không gây ngập úng cục bộ; dọn đất, cát, rác thải sinh hoạt... rơi vãi sau mỗi ngày làm việc để tránh nước mưa chảy xuống các rãnh thoát nước.

b) Giai đoạn vận hành

- Nước mưa chảy tràn: Hệ thống thoát nước mưa của dự án thiết kế tự chảy và riêng với hệ thống thoát nước thải. Hệ thống thoát nước mưa của khu vực dự án được phân làm 4 tuyến thoát nước chính, cụ thể như sau:

+ Tuyến M1: bố trí các tuyến cống dọc và ngang D600 với tổng chiều dài 300m để thu gom nước mưa phía Tây khu thương mại, dịch vụ; một phần đường ĐS4 và đường ĐS7 dẫn về cửa xả 1, thoát ra mương tiêu hiện trạng phía Nam dự án.

+ Tuyến M2: thu gom nước mưa phía Đông khu thương mại, dịch vụ; phần còn lại của đường ĐS4 và đường ĐS1 bằng các cống dọc và cống ngang D600, sau đó dẫn về cửa xả 2 và thoát về mương tiêu hiện trạng phía Nam dự án.

+ Tuyến M3, tuyến M4: bố trí các cống ngang qua đường và các cống dọc D600 để thu gom nước mưa cho các khu đất ở và các tuyến đường ĐS5, ĐS6 dẫn về Tuyến M2, qua cửa xả 2 và thoát về mương tiêu nước hiện trạng phía Nam dự án.

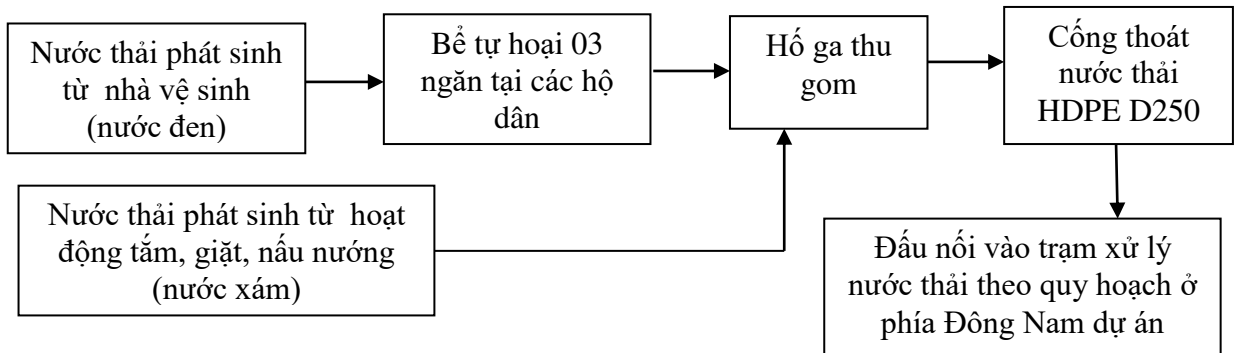
- Nước thải sinh hoạt:

+ Giai đoạn đầu: nước thải được xử lý tại chỗ bằng bể tự hoại của hộ dân và xây dựng hệ thống thu gom nước thải bằng đường ống HDPE D250mm để chờ đầu nối về hệ thống xử lý nước thải chung được xây dựng ở giai đoạn 2.

+ Giai đoạn sau: toàn bộ nước thải sinh hoạt của dự án được đầu nối vào trạm xử lý nước thải theo đồ án Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khu dân cư thôn Chánh Hội, xã Cát Chánh đã được phê duyệt tại Quyết định số 2567/QĐ-UBND ngày 14/7/2022 của UBND huyện Phù Cát; dự kiến trạm xử lý nước thải sẽ được đầu tư trong giai đoạn 2026 – 2027. Điểm chờ đầu nối nằm ở phía Đông Nam dự án trên tuyến đường ĐS6, hố ga chờ đầu nối nước thải trùng

với điểm đầu nối của hệ thống thu gom nước thải của khu vực theo quy hoạch đã phê duyệt.

Sơ đồ thu gom nước thải như sau:



+ Về lâu dài khi UBND huyện Phù Cát đầu tư hệ thống xử lý nước thải tập trung của huyện, toàn bộ nước thải phát sinh từ dự án sẽ đầu nối vào hệ thống xử lý tập trung.

4.1.2. Đối với bụi, khí thải

a) Giai đoạn thi công, xây dựng

- Thường xuyên phun nước giảm bụi tại các khu vực thi công, tuyến đường vận chuyển đoạn qua khu dân cư với tần suất 02 lần/ngày.

- Đối với phương tiện vận chuyển: vận chuyển đúng tải trọng và tốc độ cho phép, vệ sinh trước khi ra khỏi công trường, phủ bạt kín không để rơi vãi đất, cát ra đường.

- Khu vực bãi chứa nguyên vật liệu và chất thải rắn công nghiệp thông thường: che chắn các bãi tập kết vật liệu, bố trí ở cuối hướng gió và hạn chế chiều cao lưu chứa dưới 2m.

- Hàng ngày, bố trí công nhân quét dọn thu gom đất, cát rơi vãi, vệ sinh dọc theo tuyến đường và tại khu vực thi công.

- Trang bị đầy đủ bảo hộ lao động cho công nhân.

b) Giai đoạn vận hành

- Định kỳ bảo dưỡng mặt đường.

- Lắp đặt biển báo hướng dẫn giao thông, quy định tốc độ xe tham gia giao thông tương ứng với cấp đường thiết kế.

- Bố trí hệ thống cây xanh đảm bảo diện tích 1.331,8 m² theo quy hoạch.

4.2. Các công trình và biện pháp quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại

4.2.1. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường

a) Giai đoạn thi công, xây dựng

- Đối với chất thải rắn sinh hoạt của công nhân: bố trí các thùng thu gom rác có nắp đậy kín tại khu vực lán trại. Định kỳ hợp đồng với đơn vị chức năng để thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định.

- Chất thải rắn xây dựng:

+ Chất thải rắn từ hoạt động phát quang, dọn dẹp mặt bằng và hoạt động thi công các hạng mục công trình được thu gom, xử lý theo đúng quy định.

+ Khối lượng chất thải rắn thông thường phát sinh từ hoạt động bóc phong hóa được tận dụng để đắp vào khu vực công viên cây xanh diện tích có 1.331,8 m².

b) Giai đoạn vận hành

Người dân thu gom và lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt trong các thùng chứa và chuyển giao cho đơn vị chức năng tại địa phương để thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định.

Bố trí khu tập kết các phương tiện thu gom rác có diện tích 10m² tại khu vực công viên, cây xanh.

c) Yêu cầu về bảo vệ môi trường khác:

Thu gom, lưu giữ, vận chuyển và xử lý toàn bộ các loại chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải sinh hoạt trong quá trình thi công xây dựng và vận hành Dự án bảo đảm các yêu cầu về an toàn và bảo vệ môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường (Nghị định số 08/2022/NĐ-CP); Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường (Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT).

4.2.2. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại

a) Giai đoạn thi công, xây dựng

Bố trí 03 thùng chứa chất thải nguy hại chuyên dụng, có nắp đậy, dán nhãn theo quy định để lưu giữ và phân loại chất thải; tập kết tại khu vực lán trại. Ký hợp đồng với đơn vị chức năng thu gom vận chuyển, xử lý theo quy định.

b) Giai đoạn vận hành

Người dân thu gom, phân loại và lưu giữ theo hướng dẫn của cơ quan chức

năng và chuyên giao cho đơn vị thu gom có chức năng.

c) Yêu cầu về bảo vệ môi trường khác:

Thực hiện việc phân định, phân loại, thu gom, lưu giữ, vận chuyển và xử lý toàn bộ chất thải nguy hại trong quá trình thi công xây dựng và vận hành Dự án bảo đảm các yêu cầu về an toàn và bảo vệ môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT.

4.3. Biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung

a) Giai đoạn thi công, xây dựng

- Không sử dụng cùng một thời điểm nhiều thiết bị phát sinh tiếng ồn lớn.
- Các thiết bị thi công được kiểm tra, bảo dưỡng định kì thường xuyên.
- Sử dụng các thiết bị thi công đang kiểm đảm bảo.
- Giảm tần suất hoạt động của các thiết bị, phương tiện vận tải vào các giờ nghỉ; không vận hành các thiết bị phát sinh độ ồn cao trong khoảng thời gian từ 11h30 đến 13h30 và từ 18h00 đến 06h00 sáng hôm sau.

b) Giai đoạn vận hành

- Bảo dưỡng thường xuyên chất lượng mặt đường.
- Tăng cường trồng các dải cây xanh đảm bảo diện tích theo quy hoạch.

c) Yêu cầu về bảo vệ môi trường khác

Trong quá trình thi công xây dựng và vận hành Dự án phải đáp ứng các yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với tiếng ồn và độ rung đạt các quy chuẩn: QCVN 26:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

4.4. Các biện pháp bảo vệ môi trường khác

4.4.1. Biện pháp giảm thiểu tác động của việc chiếm dụng đất trồng lúa

Tổ chức triển khai thực hiện công tác đền bù, giải phóng mặt bằng theo đúng quy định của pháp luật hiện hành; thực hiện các biện pháp hỗ trợ ổn định sản xuất; chỉ triển khai thực hiện Dự án sau khi hoàn thành công tác đền bù, giải phóng mặt bằng, chuyển đổi mục đích sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

4.4.2. Biện pháp giảm thiểu tác động tới hoạt động giao thông

- Xây dựng phương án tổ chức thi công, phân tuyến, phân luồng giao thông trong quá trình thi công.

- Lắp đặt biển cảnh báo, biển chỉ dẫn và thông báo về hoạt động thi công của dự án để người tham gia giao thông và người dân xung quanh được biết.

4.5. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường

4.5.1. Biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu và ứng phó sự cố kỹ thuật

Tuân thủ đúng theo phương án thiết kế kỹ thuật và thiết kế đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt; kiểm tra và nghiệm thu các công trình và khắc phục ngay khi phát hiện sự cố.

4.5.2. Phòng ngừa, giảm thiểu và ứng phó sự cố cháy, nổ

Xây dựng nội quy công trường và các biện pháp phòng cháy, chữa cháy; lắp đặt biển báo tại các khu vực dễ gây ra cháy nổ; thông báo ngay cho cơ quan chức năng để có biện pháp phối hợp xử lý kịp thời trong trường hợp xảy ra sự cố.

4.5.3 Công trình, biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố tai nạn lao động

Xây dựng nội quy làm việc tại công trường và tuyên truyền, phổ biến cho công nhân, đặc biệt là biện pháp bảo đảm an toàn thi công trong mùa mưa lũ; tuân thủ tuyệt đối các nội quy về an toàn lao động và thường xuyên kiểm tra công tác bảo hộ lao động tại công trường.

4.5.4. Biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố ngập úng

Thi công hoàn thành các hạng mục đắp đất nền trước mùa mưa; thường xuyên kiểm tra, khơi thông các dòng chảy, cống rãnh thoát nước xung quanh công trường thi công đảm bảo không gây ứ đọng, ngập úng.

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường trong giai đoạn thi công xây dựng

5.1. Giám sát môi trường không khí xung quanh

- Vị trí quan trắc: 02 vị trí.

+ 01 mẫu không khí xung quanh tại khu vực dân cư hiện trạng phía Tây dự án giáp ĐT.640, tọa độ X = 1.540.800; Y = 603.543, (theo hệ tọa độ VN 2000, múi chiếu 3⁰, kinh tuyến trực 108⁰15').

+ 01 mẫu không khí xung quanh tại khu vực phía Bắc dự án giáp Nhà văn hóa xã Cát Chánh, tọa độ X = 1.540.954,34; Y = 603.662 (theo hệ tọa độ VN 2000, múi chiếu 3⁰, kinh tuyến trực 108⁰15').

- Thông số quan trắc: bụi, tiếng ồn.

- Tiêu chuẩn so sánh: QCVN 05:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn.

- Tần suất quan trắc: 03 tháng/lần.

5.2. Giám sát chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại:

- Thường xuyên theo dõi, giám sát thành phần, số lượng của chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại phát sinh.

- Quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại theo các quy định hiện hành tại Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT và các quy định về quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại có hiệu lực tại thời điểm giám sát.

6. Các yêu cầu khác có liên quan

- Khoanh định ranh giới của dự án và chỉ được triển khai thực hiện dự án sau khi được cấp có thẩm quyền cho phép.

- Thiết lập hệ thống biển báo, cấm mốc giới các địa bàn thi công và thông tin cho người dân biết trước khi tiến hành hoạt động thi công, xây dựng dự án.

- Bố trí thiết bị, phương tiện, địa điểm để phân loại tại nguồn, thu gom, lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt phù hợp với lượng, loại chất thải phát sinh từ các hộ gia đình, cá nhân trong khu dân cư tập trung theo quy định tại điểm b, Khoản 2, Điều 57 của Luật Bảo vệ môi trường.

- Tuân thủ các tiêu chuẩn, quy chuẩn, quy phạm kỹ thuật và các quy định của pháp luật hiện hành trong quá trình thẩm định, phê duyệt thiết kế và thi công xây dựng các hạng mục công trình của dự án.

- Áp dụng các biện pháp kỹ thuật, quản lý và tổ chức thi công phù hợp, đảm bảo không làm hư hỏng hệ thống đường giao thông khu vực và hạn chế tối đa các tác động bất lợi đến cảnh quan, môi trường, hoạt động giao thông và các hoạt động kinh tế dân sinh khu vực lân cận dự án.

- Thực hiện các biện pháp giảm thiểu tác động của bụi, khí thải, tiếng ồn, độ rung phát sinh bởi Dự án, đảm bảo môi trường xung quanh khu vực dự án luôn đáp ứng tiêu chuẩn tại QCVN 05:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí; QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung và các quy chuẩn hiện hành khác về bảo vệ môi trường./.